

Số: /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế, vùng phải đăng ký
khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết nhiệm vụ: Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 333/TTr-STNMT ngày 24/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

a) Vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: Là các khu vực đã từng xảy ra sụt lún đất, biến dạng địa hình; Khu vực có bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng và bảo vệ môi trường; Khu vực có giếng khai thác nước dưới đất bị ô nhiễm, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và sinh vật mà chưa có công nghệ để xử lý để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; Khu vực có nghĩa trang tập trung hoặc các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất khác do UBND tỉnh quy định, bao gồm 131 khu vực, cụ thể như sau:

- (1) Vùng hạn chế 1: 96 khu vực;
- (2) Vùng hạn chế 3: 22 khu vực;
- (3) Vùng hạn chế hỗn hợp: 13 khu vực.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

b) Vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất: Là vùng được phép khai thác nước dưới đất, nhưng phải đăng ký theo quy định của pháp luật và thuộc một trong số các khu vực sau: Khu vực có mực nước dưới đất có nguy cơ bị hạ thấp hơn mực nước hạ thấp cho phép; Có mực nước dưới đất bị suy giảm ba (03) năm liên tục và có nguy cơ hạ thấp hơn mực nước hạ thấp cho phép; Có nguy cơ sụt lún đất, biến dạng công trình do khai thác nước dưới đất gây ra; Khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn nằm trong vùng có đá vôi hoặc nằm trong vùng có cấu trúc nền đất yếu; Khu vực đã bị ô nhiễm hoặc gia tăng ô nhiễm do khai thác nước gây ra; khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn 01 km tới các bãi rác tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang và các nguồn thải nguy hại khác và Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng, bao gồm 94 khu vực, cụ thể như sau:

(1) Khu vực bị sụt lún đất, biến dạng công trình do khai thác nước dưới đất gây ra: 03 khu vực;

(2) Khu vực đã bị ô nhiễm hoặc gia tăng ô nhiễm do khai thác nước dưới đất gây ra: 69 khu vực;

(3) Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung và đảm bảo cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng: 22 khu vực.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất thuộc các trường hợp phải có giấy phép thăm dò, khai thác theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước phải thực hiện các biện pháp hạn

chế khai thác nước dưới đất trong các khu vực thuộc Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

2. Tổ chức, cá nhân có giếng khoan khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10 m³/ngày đêm, giếng khoan khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình, cho các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học nằm trong các khu vực thuộc Danh mục vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh quy định tại Điều 1 của Quyết định này và có chiều sâu lớn hơn 20m thì phải thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Công bố Danh mục vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo quy định.

b) Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai Danh mục vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất thuộc địa bàn quản lý.

c) Định kỳ năm (05) năm hoặc khi cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, trình UBND tỉnh quyết định việc rà soát, điều chỉnh Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất cho phù hợp với tình hình thực tế; báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý Tài nguyên nước tình hình đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

4. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm:

a) Thông báo cho UBND các xã, phường, thị trấn nơi có khu vực thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

b) Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện Quyết định này cho cán bộ quản lý tài nguyên và môi trường cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng nước dưới đất trên địa bàn huyện;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn thực hiện việc rà soát, lập danh sách các tổ chức, cá nhân có giếng khoan khai thác nước dưới đất tại các tổ/thôn/bản, khu phố nằm trong các khu vực thuộc Danh mục phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

d) Tổ chức đăng ký khai thác nước dưới đất cho các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất không thuộc diện phải xin phép trong các khu vực quy định tại Danh mục vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn; lập sổ theo dõi, cập nhật số liệu đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn; hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả đăng ký tới Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân trong việc trám lấp các giếng khai thác không đúng quy định; các giếng hư hỏng, không sử dụng theo đúng quy trình kỹ thuật nhằm phòng tránh ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Bắc Kạn;
- PVP UBND tỉnh (ô. Thất);

Gửi bản giấy:

- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, H₁

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đình Quang Tuyên

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH CÁC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
1. THÀNH PHỐ BẮC KẠN						
1	HC1B-TPBK	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác Khuổi Mật	Huyện Tụng	1,1627	o3-s	<p>a. Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi bãi rác.</p> <p>b. Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với bãi rác, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:<ul style="list-style-type: none">+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước:

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
2	HC1D-TP-HT	Khu vực nghĩa trang TP Bắc Kạn và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Huyện Tụng	0,2523	o3-s	<p>Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p> <p>a. Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.</p> <p>b. Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p> <p>- Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng</p>
3	HC1D-TP-NT1	Khu vực nghĩa trang xã Nông Thượng và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Nông Thượng	0,2907	o3-s	
4	HC1D-TP-NT2	Khu vực nghĩa trang Đội Thân, xã Nông Thượng và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Nông Thượng	0,0503	o3-s	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
5	HC1D-TP-PCK	Khu vực nghĩa trang phường Phùng Chí Kiên và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Phùng Chí Kiên	0,0783	o3-s	thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
6	HC1D-TP-MK	Khu vực nghĩa trang phường Nguyễn Thị Minh Khai và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Nguyễn Thị Minh Khai	0,0655	o3-s	
7	HC1D-TP-SC	Khu vực nghĩa trang phường Sông Cầu và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Sông Cầu	0,0475	o3-s	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
8	HC3-TP-HT	Toàn bộ khu dân cư tập trung phường Huyền Tụng	Huyền Tụng	8,2934	o3-s	<p>a) Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.</p> <p>b) Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:</p> <p>- Công trình không có giấy phép: Dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT, trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai. Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Công trình đã có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>
9	HC3-TP-MK	Toàn bộ khu dân cư tập trung phường Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Thị Minh Khai	1,2913	o3-s	
10	HC3-TP-DX	Toàn bộ khu dân cư tập trung phường Đức Xuân	Đức Xuân	2,6732	o3-s	
11	HC3-TP-XH	Khu dân cư tập trung phường Xuất Hóa (tính đến cầu Xuất Hóa)	Xuất Hóa	4,5164	o3-s, d1	
12	HC3-TP-PCK	Toàn bộ khu dân cư tập trung phường Phùng Chí Kiên	Phùng Chí Kiên	2,5194	o3-s	
13	HC3-TP-SC	Toàn bộ khu dân cư tập trung phường Sông Cầu	Sông Cầu	2,8506	o3-s	
14	HC3-TP-NT2	Khu dân cư Nà Nang	Nông Thượng	0,4471	o3-s	
15	HC3-TP-NT1	Khu dân cư Khuổi Cuồng	Nông Thượng	0,6201	o3-s	
16	HC3-TP-DQ	Khu dân cư trung tâm xã Dương Quang và thôn Nà Oi	Dương Quang	1,2046	o3-s	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
17	HH-TP-HT1	Vùng chồng lấn giữa vùng HC1D-TPBC và vùng HC3-TP-HT	Huyện Tụng	0,0668	o3-s	<p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
18	HH-TP-HT2	Vùng chùng lán giữa vùng HC1B-TPBC và vùng HC3-TP-HT	Huyện Tụng	0,3965	o3-s	<p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi bãi rác.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với bãi rác, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
19	HH-TP-MK	Vùng chồng lấn giữa vùng HC1D-TP-MK và vùng HC3-TP-MK	Nguyễn Thị Minh Khai	0,0203	o3-s	+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
20	HH-TP-SC	Vùng chồng lấn giữa vùng HC1D-TP-SC và vùng HC3-TP-SC	Sông Cầu	0,0475	o3-s	a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
21	HH-TP-PCK	Vùng chồng lấn giữa vùng HC1D-TP-MK và vùng HC3-TP-MK	Phùng Chí Kiên	0,0783	o3-s	<p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
2. HUYỆN BẠCH THÔNG						
1	HC1B-BT-PT	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác TT Phủ Thông	TT Phủ Thông	0,0711	o3-s	<p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi bãi rác.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với bãi rác, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:
2	HC1B-BT-NP	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác xã Nguyên Phúc	Nguyên Phúc	0,1211	o3-s	<ul style="list-style-type: none"> + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
3	HC1D-BT-DP1	Khu vực nghĩa trang Nà Coọng và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Dương Phong	0,1276	o3-s	<p>trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p> <p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.</p>
4	HC1D-BT-DP2	Khu vực nghĩa trang Dương Phong và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Dương Phong	0,0821	o3-s	<p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p>

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
5	HC1D-BT-DP3	Khu vực nghĩa trang Tổng Ngay và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Dương Phong	0,0749	o3-s	<p>- Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.</p> <p>- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:</p> <p>+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều</p>
6	HC1D-BT-DP4	Khu vực nghĩa trang Bản Chàn và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Dương Phong	0,0928	o3-s	
7	HC1D-BT-QH	Khu vực nghĩa trang Nà Lạnh và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Quân Hà	0,0879	o3-s	
8	HC1D-BT-TT	Khu vực nghĩa trang Pò Đeng và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Tân Tú	0,0547	o3-s	
9	HC1D-BT-VH	Khu vực nghĩa trang Cốc Thốc và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Vi Hương	0,1046	o3-s	
10	HC1D-BT-PT	Khu vực nghĩa trang Đèo Giàng và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	TT Phú Thông	0,0913	o3-s	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
11	HC3-BT-PT	Khu dân cư trung tâm thị trấn Phủ Thông	TT Phủ Thông	1,0457	o3-s	<p>chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p> <p>a) Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.</p> <p>b) Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công trình không có giấy phép: Dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT, trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai. Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. - Công trình đã có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh,

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
3. HUYỆN CHỢ ĐỒN						
1	HC1A-CD-BL	Khu vực sục và khu vực liền kề 500m tính từ đường biên sục tại thôn Bản Lác	Bằng Lãng	0,7778	d	a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi hồ sục. b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với hồ sục, thực hiện các biện pháp sau: - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.
2	HC1A-CD-TTBL	Khu vực sục và khu vực liền kề 500m tính từ đường biên sục tại vùng bản Tàn, Tổ 10, thị trấn Bằng Lãng và vùng Nà Bura, Phiêng Liêng, xã Ngọc Phái	TT Bằng Lãng và Ngọc Phái	6,2256	d	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
3	HC1A-CD-YT	Khu vực sạt và khu vực liền kề 500m tính từ đường biên sạt tại thôn Nà Mòn	Yên Thượng	0,8134	d	<p>- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:</p> <p>+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>
4	HC1B-CD-TTBL	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác TT Bằng Lũng	Bằng Lũng	0,1955	d1	a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
						<p>xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi bãi rác.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với bãi rác, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
						giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
5	HC1D-CD-BP	Khu vực nghĩa trang Nà Chang và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Bằng Phúc	0,0606	d	a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.
6	HC1D-CD-PV	Khu vực nghĩa trang Nà Càng và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Phương Viên	0,0511	o3-s	b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:
7	HC1D-CD-DT1	Khu vực nghĩa trang Nà Tãi và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Đông Thắng	0,0405	o3-s	- Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.
8	HC1D-CD-DT2	Khu vực nghĩa trang Khuổi Già và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Đông Thắng	0,0501	o3-s	- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:
9	HC1D-CD-YP	Khu vực nghĩa trang Khau Toọc và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Yên Phong	0,1386	o3-s	+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
10	HC1D-CD-BL1	Khu vực nghĩa trang Nà Duông và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Bằng Lãng	0,0451	d, d1	theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
11	HC1D-CD-TTBL1	Khu vực nghĩa trang TT Bằng Lũng và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	TT Bằng Lũng	0,147	d1	
12	HC1D-CD-TTBL2	Khu vực nghĩa trang Lô Vải và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	TT Bằng Lũng	0,08	d1	
13	HC1D-CD-NC1	Khu vực nghĩa trang Nà Him và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Nam Cường	0,0774	d	
14	HC1D-CD-NC2	Khu vực nghĩa trang Nà Liền và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Nam Cường	0,0994	d	
15	HC1D-CD-NC3	Khu vực nghĩa trang Bản Cháy và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Nam Cường	0,0696	d	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
16	HC1D-CD-XL1	Khu vực nghĩa trang Bản He và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Xuân Lạc	0,1365	d1	<p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp
17	HC1D-CD-XL2	Khu vực nghĩa trang Xuân Lạc và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Xuân Lạc	0,0766	d1	
18	HC1D-CD-XL3	Khu vực nghĩa trang bản Ó và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Xuân Lạc	0,191	d1	
19	HC1D-CD-XL4	Khu vực nghĩa trang bản Tùn và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Xuân Lạc	0,0866	d1	
20	HC1D-CD-BT1	Khu vực nghĩa trang Thâm Tàu và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Bản Thi	0,0916	d, d1	
21	HC1D-CD-BT2	Khu vực nghĩa trang bản Thi và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Bản Thi	0,0754	d1	
22	HC1D-CD-YT	Khu vực nghĩa trang Yên Thịnh và khu vực liền kề	Yên Thịnh	0,0612	d1	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
		100m tính từ đường biên nghĩa trang				<p>Giải pháp hạn chế khai thác</p> <p>lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>
23	HC1D-CD-YTG1	Khu vực nghĩa trang Nà Khuất và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Yên Thượng	0,0654	d1	
24	HC1D-CD-YTG2	Khu vực nghĩa trang Nà Cà và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Yên Thượng	0,0692	d1	
25	HC1D-CD-NT	Khu vực nghĩa trang Khau Quẩn và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Nghĩa Tá	0,0557	o3-s	
26	HC3-CD-BL	Khu dân cư tập trung thị trấn Bằng Lũng, trừ khu vực bản Duông và bản Tàn	TT Bằng Lũng	2,7638	d, d1	

a) Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.

b) Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:

- Công trình không có giấy phép: Dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT, trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai.

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
27	HH-CD-TTBL1	Vùng chồng lấn giữa vùng HC1A-CD-TTBL và vùng HC3-CD-BL	TT Bằng Lũng	0,3908	d	<p>Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Công trình đã có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p> <p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi hồ sục.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với hồ sục, thực hiện các biện pháp sau:</p> <p>- Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.</p>

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
28	HH-CD-TTBL2	Vùng chồng lấn giữa vùng HC1D-CD-TTBL2 và vùng HC3-CD-BL	TT Bằng Lũng	0,0324	d	<p>- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:</p> <p>+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p> <p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc</p>

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
						<p>xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
4. HUYỆN CHỢ MỚI						
1	HC1B-CM-DT	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác tập trung Tổ 6	TT Đồng Tâm	0,2523	d	<p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi bãi rác.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với bãi rác, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
2	HC1D-CM-DT	Khu vực nghĩa trang TT Đồng Tâm và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	TT Đồng Tâm	0,0718	o3-s	<p>theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p> <p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p>
3	HC1D-CM-TT1	Khu vực nghĩa trang Nà Quang và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Thanh Thịnh	0,2394	d1, j	
4	HC1D-CM-TT2	Khu vực nghĩa trang Nà Ba và khu vực liền kề	Thanh Thịnh	0,1552	d1	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
		100m tính từ đường biên nghĩa trang				
5	HC1D-CM-TT3	Khu vực nghĩa trang Khuổi Tai và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Thanh Thịnh	0,2309	d1	<p>- Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.</p> <p>- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:</p> <p>+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều</p>
6	HC1D-CM-TT4	Khu vực nghĩa trang Bản Ang và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Thanh Thịnh	0,0825	o3-s, d1	
7	HC1D-CM-TT5	Khu vực nghĩa trang Khuổi Lắc và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Thanh Thịnh	0,1366	o3-s	
8	HC1D-CM-TT6	Khu vực nghĩa trang Cẩm Lặng và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Thanh Thịnh	0,1304	o3-s	
9	HC1D-CM-TT7	Khu vực nghĩa trang Là Ngai và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Thanh Thịnh	0,0618	d	
10	HC1D-CM-NH	Khu vực nghĩa trang xã Nông Hạ và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Nông Hạ	0,1225	d	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
11	HC1D-CM-CK	Khu vực nghĩa trang xã Cao Kỳ và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Cao Kỳ	0,0671	d	chính, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
12	HC1D-CM-TS	Khu vực nghĩa trang xã Tân Sơn và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Tân Sơn	0,0689	d	
13	HC1D-CM-YH	Khu vực nghĩa trang Nà Sao và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Yên Hân	0,0664	d	
14	HC1D-CM-QC1	Khu vực nghĩa trang Bản Đén và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Quảng Chu	0,0815	j	
15	HC1D-CM-QC2	Khu vực nghĩa trang Nà Lắng và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Quảng Chu	0,0795	j, d	
16	HC1D-CM-NC	Khu vực nghĩa trang Nà Tào và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Như cố	0,0785	j, ε	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
17	HC3-CM-DT	Khu dân cư trung tâm thị trấn Đồng Tâm	TT Đồng Tâm	2,1689	o3-s, d, o	<p>a) Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.</p> <p>b) Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công trình không có giấy phép: Dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT, trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai. Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. - Công trình đã có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
18	HC3-CM-TT	Khu dân cư trung tâm xã Thanh Thịnh và khu công nghiệp Thanh Bình	Thanh Thịnh	1,4408	o3-s, d, d1	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
19	HH-CM-DT1	Vùng chồng lấn giữa vùng HC1B-CM-DT và vùng HC3-CM-DT	TT Đồng Tâm	0,1052	d	<p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi bãi rác.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với bãi rác, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
20	HH-CM-DT2	Vùng chùng lán giữa vùng HC1D-CM-DT và vùng HC3-CM-DT	TT Đồng Tâm	0,0139	o	<p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
5. HUYỆN NA RÍ						
1	HC1B-NR-KL	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác Kim Lư	Kim Lư	0,3155	d, d1	<p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc</p>

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
						<p>xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi bãi rác.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với bãi rác, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
						giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
2	HC1D-NR-VL1	Khu vực nghĩa trang Chợ Mới và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Văn Lang	0,0472	c-p	a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.
3	HC1D-NR-KL	Khu vực nghĩa trang Đồng Tâm và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Kim Lư	0,0548	d1	b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:
4	HC1D-NR-CL1	Khu vực nghĩa trang Nà Khun và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Cường Lợi	0,1223	t1	- Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.
5	HC1D-NR-CL2	Khu vực nghĩa trang Hát Mèo và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Cường Lợi	0,0788	t1	- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:
6	HC1D-NR-VL2	Khu vực nghĩa trang Bản Kén và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Văn Lang	0,0757	t1	+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
7	HC1D-NR-YL1	Khu vực nghĩa trang Nà Chanh và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	TT. Yên Lạc	0,0669	d	theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
8	HC1D-NR-ST	Khu vực nghĩa trang Nà khon và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Sơn Thành	0,1116	d1	
9	HC1D-NR-TP	Khu vực nghĩa trang Vàng Mười và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Trần Phú	0,1244	d	
10	HC1D-NR-DS	Khu vực nghĩa trang Khuổi Xuân và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Dương Sơn	0,1118	d1	
11	HC1D-NR-YL2	Khu vực nghĩa trang Giã Rì và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	TT Yên Lạc	0,0639	d1	
12	HC3-NR-YL	Khu dân cư trung tâm thị trấn Yên Lạc	TT Yên Lạc	3,0100	t1, d, d1	
13	HC3-NR-KL	Một phần khu dân cư thôn Pò Khiển, xã Kim Lư	Kim Lư	0,1180	d1	

a) Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.
b) Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
14	HH-NR-YL1	Vùng chồng lấn giữa vùng HC1D-NR-YL1 và vùng HC3-NR-YL	TT Yên Lạc	0,0231	d	- Công trình không có giấy phép: Dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT, trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai. Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. - Công trình đã có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
15	HH-NR-YL2	Vùng chồng lấn giữa vùng HC1D-NR-YL2 và vùng HC3-NR-YL	TT Yên Lạc	0,0243	d1	a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
						<p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
6. HUYỆN NGÂN SƠN						
1	HC1B-NS-HL	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác Nà Lạn	Hiệp Lực	0,1549	d	a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi bãi rác. b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với bãi rác, thực hiện các biện pháp sau: - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên
2	HC1B-NS-VT	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác Vân Tùng	Vân Tùng	0,3402	d	
3	HC1B-NS-BV	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác Bằng Vân	Bằng Vân	0,2281	t1	
4	HC1B-NS-NP	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác TT Nà Phặc	TT Nà Phặc	0,088	d	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
5	HC1D-NS-TM	Khu vực nghĩa trang Nà Dầy và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Thuần Mang	0,0493	d	<p>cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p> <p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p> <p>- Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng</p>
6	HC1D-NS-HL	Khu vực nghĩa trang hiêng Pốc và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Hiệp Lực	0,0449	d	
7	HC1D-NS-NP	Khu vực nghĩa trang Nà Phặc và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	TT Nà Phặc	0,0996	d	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
8	HC1D-NS-VT1	Khu vực nghĩa trang Bản Súng và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Vân Tùng	0,1478	d	<p>thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.</p> <p>- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:</p> <p>+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>
9	HC1D-NS-VT2	Khu vực nghĩa trang Nà Liêng và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Vân Tùng	0,0485	d	
10	HC1D-NS-CD1	Khu vực nghĩa trang Nà Cha và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Cốc Đán	0,0519	d	
11	HC1D-NS-CD2	Khu vực nghĩa trang Cốc Mòn và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Cốc Đán	0,0701	d	
12	HC1D-NS-BV1	Khu vực nghĩa trang Nà Dầy và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Bằng Vân	0,0504	d	
13	HC1D-NS-BV2	Khu vực nghĩa trang Khu A + B và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Bằng Vân	0,0744	d	
14	HC1D-NS-BV3	Khu vực nghĩa trang Khu C và khu vực liền kề	Bằng Vân	0,0628	d	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
		100m tính từ đường biên nghĩa trang				
15	HC1D-NS-TQ	Khu vực nghĩa trang Nà Ngần và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Thượng Quan	0,0758	d	
16	HC3-NS-NP	Khu dân cư trung tâm thị trấn Nà Phặc (Tiểu khu 1, 2, 3, Nà Ruồng, Nà Lài, Nà Pán, Cốc Tảo, Bản Cầy)	TT Nà Phặc	2,6493	o3-s, d	a) Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.
17	HC3-NS-VT	Khu dân cư trung tâm xã Vân Tùng (Tiểu khu 1, 2, khu trung tâm, khu Bản Súng)	Vân Tùng	1,1963	d	b) Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: - Công trình không có giấy phép: Dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT, trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai.
18	HC3-NS-BV	Khu dân cư trung tâm xã Bằng Vân	Bằng Vân	0,3531	d, d1	Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. - Công trình đã có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
19	HH-NS-NP	Vùng chông lấn giữa vùng HC1D-NS-NP và vùng HC3-NS-NP	TT Nà Phặc	0,0245	d	<p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
7. HUYỆN BA BÊ						
1	HC1B-BB-CR	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác TT Chợ Rã	TT Chợ Rã	0,223	d1	a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi bãi rác. b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với bãi rác, thực hiện các biện pháp sau: - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không
2	HC1B-BB-BT1	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác Lũng Điec	Bành Trạch	0,0939	d1	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	<p>Giải pháp hạn chế khai thác</p> <p>cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.</p> <p>- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:</p> <p>+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>
-----	----------------------	----------------------	------------------------	------------------------------------	---------------------------------	---

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
3	HC1D-BB-TG	Khu vực nghĩa trang thôn Piêng 1 và khu vực liên kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Thượng Giáo	0,0491	o3-s	<p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <p>+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài</p>
4	HC1D-BB-NM	Khu vực nghĩa trang Pắc Ngòi và khu vực liên kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Nam Mẫu	0,0431	d	
5	HC1D-BB-DL	Khu vực nghĩa trang Nà Mô và khu vực liên kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Địa Linh	0,0436	o3-s	
6	HC1D-BB-BT	Khu vực nghĩa trang Nà Cải và khu vực liên kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Bành Trạch	0,0571	d1, o3-s	
7	HC1D-BB-HH1	Khu vực nghĩa trang TP và khu vực liên kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Hà Hiệu	0,0612	d	
8	HC1D-BB-HH2	Khu vực nghĩa trang TP và khu vực liên kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Hà Hiệu	0,0634	o3-s	
9	HC1D-BB-HH3	Khu vực nghĩa trang Cốc Lùng và khu vực liên kề	Hà Hiệu	0,045	o3-s	

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
		100m tính từ đường biên nghĩa trang				nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;
10	HC1D-BB-MP	Khu vực nghĩa trang Vàng Kheo và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Mỹ Phương	0,067	o3-s	+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
11	HC3-BB-CR	Toàn bộ khu dân cư tập trung thị trấn Chợ Rã	TT Chợ Rã	1,6482	o3-s, d, d1	a) Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. b) Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:
12	HC3-BB-DL	Khu dân cư trung tâm xã Địa Linh (đọc tính lộ 258)	Địa Linh	1,8852	o3-s	- Công trình không có giấy phép: Dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT, trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai. Trường hợp này được cấp giấy phép nếu

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
13	HC3-BB-TG	Một phần khu dân cư xã Thượng Giáo (đọc tính lộ 258, giáp thị trấn Chợ Rã)	Thượng Giáo	0,3769	o3-s	<p>đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Công trình đã có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>
14	HH-BB-DL	Vùng chồng lấn giữa vùng HC1D-BB-DL1 và vùng HC3-BB-DL	Địa Linh	0,0436	o3-s	<p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p> <p>- Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.</p>

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km ²)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
8. HUYỆN PÁC NẶM						
1	HC1B-PN-NM	Khu vực bãi rác và vùng liền kề bãi rác Khuổi Ổ	Nhạn Môn	0,1812	d1	a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
						<p>72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi bãi rác.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với bãi rác, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
2	HC1D-PN-BB	Khu vực nghĩa trang Pù Phá và khu vực liền kề 100m tính từ đường biên nghĩa trang	Bộc Bó	0,1456	d	<p>+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p> <p>a) Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng đối với phạm vi nghĩa trang.</p> <p>b) Đối với vùng hạn chế là những khu vực nằm liền kề với nghĩa trang, thực hiện các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có: <p>+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác</p>

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; + Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
3	HC3-PN-BB	Khu dân cư trung tâm xã Bộc Bó	Bộc Bó	0,4806	d, d1	<p>a) Đối với công trình xin cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất mới: Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.</p> <p>b) Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:</p> <p>- Công trình không có giấy phép: Dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám</p>

STT	Ký hiệu vùng hạn chế	Phạm vi vùng hạn chế	Xã/Phường/ Thị trấn	Diện tích vùng hạn chế (km2)	Tầng chứa nước hạn chế	Giải pháp hạn chế khai thác
						<p>lắp giếng theo thông tư 72/2017/TT-BTNMT, trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai. Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Công trình đã có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước</p>

PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH CÁC VÙNG PHẢI ĐĂNG KÝ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Ký hiệu vùng phải đăng ký	Phạm vi vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng phải đăng ký (km ²)	Căn cứ xác định
1. THÀNH PHỐ BẮC KẠN					
1	DK1B-TPBK	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới bãi rác Khuổi Mật	Huyện Tụng	4,1723	Khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một (01) km tới các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang
2	DK1D-TPBK	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang TP. Bắc Kạn	Huyện Tụng	4,2089	
3	DK1D-TP-NT1	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang xã Nông Thượng	Nông Thượng	4,4432	
4	DK1D-TP-NT2	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Đội Thân, xã Nông Thượng	Nông Thượng	3,0017	
5	DK1D-TP-PCK	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang phường Phùng Chí Kiên	Phùng Chí Kiên	3,3145	
6	DK1D-TP-MK	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang phường Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Thị Minh Khai	3,1293	
7	DK1D-TP-SC	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang phường Sông Cầu	Sông Cầu	3,1954	
8	DK2-TP-HT	Toàn bộ khu dân cư tập trung phường Huyện Tụng	Huyện Tụng	8,2934	Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đầu nối với hệ
9	DK2-TP-MK	Toàn bộ khu dân cư tập trung phường Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Thị Minh Khai	1,2913	
10	DK2-TP-DX	Toàn bộ khu dân cư tập trung phường Đức Xuân	Đức Xuân	2,6732	
11	DK2-TP-XH	Khu dân cư tập trung phường Xuất Hóa (tính đến cầu Xuất Hóa)	Xuất Hóa	4,5164	
12	DK2-TP-PCK	Toàn bộ khu dân cư tập trung phường Phùng Chí Kiên	Phùng Chí Kiên	2,5194	

STT	Ký hiệu vùng phải đăng ký	Phạm vi vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng phải đăng ký (km ²)	Căn cứ xác định
13	DK2-TP-SC	Toàn bộ khu dân cư tập trung phường Sông Cầu	Sông Cầu	2,8506	thống cấp nước tập trung và bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng
14	DK2-TP-NT2	Khu dân cư Nà Nang	Nông Thượng	0,4471	
15	DK2-TP-NT1	Khu dân cư Khuổi Cuồng	Nông Thượng	0,6201	
16	DK2-TP-DQ	Khu dân cư trung tâm xã Dương Quang và thôn Nà Oi	Dương Quang	1,2046	
2. HUYỆN BẠCH THÔNG					
1	DK1B-BT-PT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới bãi rác TT Phủ Thông	TT Phủ Thông	3,0526	Khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một (01) km tới các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang
2	DK1B-BT-NP	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới bãi rác Nguyên Phúc	Nguyên Phúc	3,2113	
3	DK1D-BT-DP1	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Coọng và Bản Chàn	Dương Phong	5,8784	
4	DK1D-BT-DP2	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Dương Phong và Tổng Ngay	Dương Phong	4,8628	
5	DK1D-BT-TT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Pò Đeng	Tân Tú	3,0325	
6	DK1D-BT-QH	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Pò Đeng	Quân Hà	3,3785	

STT	Ký hiệu vùng phải đăng ký	Phạm vi vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng phải đăng ký (km ²)	Căn cứ xác định
7	DK1D-BT-VH	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Cốc Thốc	Vi Hương	3,5555	
8	DK1D-BT-PT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang thôn Đèo Giàng	TT Phủ Thông	3,2595	
9	DK2-BT-PT	Khu dân cư trung tâm thị trấn Phủ Thông	TT Phủ Thông	1,0457	Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đầu nối với hệ thống cấp nước tập trung và bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng
3. HUYỆN CHỢ ĐỒN					
1	DK1A-CD-BL	Khu vực sụt lún đất, biến dạng công trình và vùng có nguy cơ sụt thôn Bản Lác	Bằng Lãng	0,7778	

STT	Ký hiệu vùng phải đăng ký	Phạm vi vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng phải đăng ký (km ²)	Căn cứ xác định
2	DK1A-CD-TTBL	Khu vực sụt lún đất, biến dạng công trình và vùng có nguy cơ sụt tại vùng bản Tàn, Tổ 10, thị trấn Bằng Lũng và vùng Nà Bura, Phiêng Liêng, xã Ngọc Phái	TT Bằng Lũng và Ngọc Phái	6,2256	Khu vực bị sụt lún đất, biến dạng công trình do khai thác nước dưới đất gây ra; khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn nằm trong vùng có đá vôi hoặc nằm trong vùng có cấu trúc nền đất yếu
3	DK1A-CD-YT	Khu vực sụt lún đất, biến dạng công trình và vùng có nguy cơ sụt tại thôn Nà Mòn	Yên Thượng	0,8134	
4	DK1B-CD-TTBL	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới bãi rác TT Bằng Lũng	Bằng Lũng	3,7611	Khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một (01) km tới các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang
5	DKC1D-CD-BP	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Chang	Bằng Phúc	2,9932	
6	DKC1D-CD-PV	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Càng	Phương Viên	3,0819	
7	DKC1D-CD-DT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Tãi, Khuổi Già	Đông Thắng	5,5427	
8	DKC1D-CD-YP	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Khau Toọc	Yên Phong	3,8171	
9	DKC1D-CD-BL	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Duồng	Bằng Lãng	2,9355	

STT	Ký hiệu vùng phải đăng ký	Phạm vi vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng phải đăng ký (km ²)	Căn cứ xác định	
10	DKC1D-CD-TTBL	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang TT Bằng Lũng, Lô Vải	TT Bằng Lũng	6,6623		
11	DKC1D-CD-NC	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Him, Nà Liền, Bản Cháy	Nam Cường	7,6191		
12	DKC1D-CD-XL1	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Bản He	Xuân Lạc	3,6028		
13	DKC1D-CD-XL2	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Xuân Lạc, Bản Ó, Bản Tun	Xuân Lạc	8,3689		
14	DKC1D-CD-BT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Thâm Tàu và Bản Thi	Bản Thi	4,2768		
15	DKC1D-CD-YT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Yên Thịnh	Yên Thịnh	2,8704		
16	DKC1D-CD-YTG	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Khuất, Nà Cà	Yên Thượng	4,5184		
17	DKC1D-CD-NT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Khau Quán	Nghĩa Tá	3,2979		
18	DK2-CD-BL	Khu dân cư tập trung thị trấn Bằng Lũng, trừ khu vực bản Duồng và bản Tàn	TT Bằng Lũng	2,7638		Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đầu nối với hệ

STT	Ký hiệu vùng phải đăng ký	Phạm vi vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng phải đăng ký (km ²)	Căn cứ xác định
					thống cấp nước tập trung và bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng
4. HUYỆN CHỢ MỚI					
1	DK1B-CM-DT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới bãi rác TT Đồng Tâm	TT Đồng Tâm	3,0589	Khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một (01) km tới các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang
2	DK1D-CM-DT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang TT Đồng Tâm, Nghĩa trang Nà Quang, Nà Ba xã Thanh Thịnh	TT Đồng Tâm	7,4702	
3	DK1D-CM-TT3	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Khuổi Tai và Bản Ang	Thanh Thịnh	6,3854	
4	DK1D-CM-TT2	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Khuổi Lắc, Cẩm Lặng, Là Ngai	Thanh Thịnh	7,5021	
5	DK1D-CM-NH	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang xã Nông Hạ	Nông Hạ	3,1884	
6	DK1D-CM-CK	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang xã Cao Kỳ	Cao Kỳ	2,9729	
7	DK1D-CM-TS	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang xã Tân Sơn	Tân Sơn	2,915	
8	DK1D-CM-YH	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Sao	Yên Hân	3,2247	

STT	Ký hiệu vùng phải đăng ký	Phạm vi vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng phải đăng ký (km ²)	Căn cứ xác định
9	DK1D-CM-QC1	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Bản Đén	Quảng Chu	3,1792	
10	DK1D-CM-QC2	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Lằng	Quảng Chu	2,9751	
11	DK1D-CM-NC	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Tào	Như cổ	3,1356	
12	DK2-CM-DT	Khu dân cư trung tâm thị trấn Đồng Tâm	TT Đồng Tâm	2,1689	Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đầu nối với hệ thống cấp nước tập trung và bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng
13	DK2-CM-TT	Khu dân cư trung tâm xã Thanh Thịnh và khu công nghiệp Thanh Bình	Thanh Thịnh	1,4408	
5. HUYỆN NA RÌ					
1	DK1B-NR-KL	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới bãi rác xã Kim Lư	Kim Lư	3,8663	Khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một
2	DK1D-NR-VL	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Chợ Mới, Bản Kén	Văn Lang	5,2162	

STT	Ký hiệu vùng phải đăng ký	Phạm vi vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng phải đăng ký (km ²)	Căn cứ xác định
3	DK1D-NR-KL	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Đòng Tâm	Kim Lư	3,1048	(01) km tới các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang
4	DK1D-NR-CL	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Khun, Hát Mèo	Cường Lợi	5,1835	
5	DK1D-NR-YL	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Chanh, Giã Rì	TT. Yên Lạc	5,3576	
6	DK1D-NR-ST	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Khon	Sơn Thành	3,4248	
7	DK1D-NR-TP	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Vàng Mươi	Trần Phú	3,4877	
8	DK1D-NR-DS	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Khuổi Xuân	Dương Sơn	3,5302	
9	DK2-NR-YL	Khu dân cư trung tâm thị trấn Yên Lạc	TT Yên Lạc	3,0100	
10	DK2-NR-KL	Một phần khu dân cư thôn Pò Khiển, xã Kim Lư	Kim Lư	0,1180	

STT	Ký hiệu vùng phải đăng ký	Phạm vi vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng phải đăng ký (km ²)	Căn cứ xác định
6. HUYỆN NGÂN SƠN					
1	DK1B-NS-HL	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới bãi rác thôn Nà Lạn	Hiệp Lực	2,9454	Khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một (01) km tới các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang
2	DK1B-NS-VT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới bãi rác xã Vân Tùng	Vân Tùng	2,6789	
3	DK1B-NS-BV	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới bãi rác xã Bằng Vân	Bằng Vân	3,1318	
4	DK1B-NS-NP	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới bãi rác TT Nà Phặc	TT Nà Phặc	2,8798	
5	DK1D-NS-TM	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Dày	Thuần Mang	3,0001	
6	DK1D-NS-HL	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Phiêng Pốc	Hiệp Lực	3,1053	
7	DK1D-NS-NP	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Phặc	TT Nà Phặc	3,1901	
8	DK1D-NS-VT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Bản Súng và Nà Liềng	Vân Tùng	6,1441	
9	DK1D-NS-CD	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Cha và Cốc Mòn	Cốc Đán	4,0591	
10	DK1D-NS-BV	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang khu A+B, khu C, Nà Dày	Bằng Vân	6,8943	
11	DK1D-NS-TQ	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Nà Ngần	Thượng Quan	3,2852	

STT	Ký hiệu vùng phải đăng ký	Phạm vi vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng phải đăng ký (km ²)	Căn cứ xác định
12	DK2-NS-NP	Khu dân cư trung tâm thị trấn Nà Phặc (Tiểu khu 1, 2, 3, Nà Ruồng, Nà Lài, Nà Pán, Cốc Tảo, Bản Cây)	TT Nà Phặc	2,6493	Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đầu nối với hệ thống cấp nước tập trung và bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng
13	DK2-NS-VT	Khu dân cư trung tâm xã Vân Tùng (Tiểu khu 1, 2, khu trung tâm, khu Bản Súng)	Vân Tùng	1,1963	
14	DK2-NS-BV	Khu dân cư trung tâm xã Bằng Vân	Bằng Vân	0,3531	
7. HUYỆN BA BÈ					
1	DK1B-BB-CR-BT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới bãi rác TT Chợ Rã, bãi rác thôn Lũng Đięc xã Bành Trạch	TT Chợ Rã, xã Bành Trạch	6,2125	Khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một (01) km tới các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang
2	DK1D-BB-TG	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang thôn Piêng 1	Thượng Giáo	3,2514	
3	DK1D-BB-NM	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang thôn Pắc Ngòi	Nam Mẫu	2,4281	
4	DK1D-BB-DL	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang thôn Nà Mô	Địa Linh	2,8637	

STT	Ký hiệu vùng phải đăng ký	Phạm vi vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng phải đăng ký (km ²)	Căn cứ xác định
6	DK1D-BB-BT	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang thôn Nà Cải	Bành Trạch	3,0851	
7	DK1D-BB-HH1	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang thôn Cốc Lót	Hà Hiệu	3,2702	
8	DK1D-BB-HH2	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang thôn Piềng 1	Hà Hiệu	4,9579	
9	DK1D-BB-MP	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang thôn Vằng Kheo	Mỹ Phương	3,1932	
10	DK2-BB-CR	Toàn bộ khu dân cư tập trung thị trấn Chợ Rã	TT Chợ Rã	1,6482	Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đầu nối với hệ thống cấp nước tập trung và bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng
11	DK2-BB-DL	Khu dân cư trung tâm xã Địa Linh (đọc tỉnh lộ 258)	Địa Linh	1,8852	
12	DK2-BB-TG	Một phần khu dân cư xã Thượng Giáo (đọc tỉnh lộ 258, giáp thị trấn Chợ Rã)	Thượng Giáo	0,3769	
8. HUYỆN PÁC NẶM					

STT	Ký hiệu vùng phải đăng ký	Phạm vi vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Xã/Phường/Thị trấn	Diện tích vùng phải đăng ký (km ²)	Căn cứ xác định
1	DK1B-PN-CL	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới bãi rác thôn Khuổi Ổ	Nhạn Môn	3,9270	Khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một (01) km tới các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang
2	DK1D-PN-BB	Khu vực nằm trong phạm vi 01 km tới nghĩa trang Pù Phá, thôn Nà Coóc	Bộc Bó	3,9274	
3	DK2-PN-BB	Khu dân cư trung tâm xã Bộc Bó	Bộc Bó	0,4806	Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đầu nối với hệ thống cấp nước tập trung và bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng